

BÁO CÁO
Về việc sắp xếp đổi mới và quản lý đất đai
của các công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Căn cứ Công điện số 191/CD-TTg ngày 08/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về các giải pháp thúc đẩy sản xuất kinh doanh hiệu quả đối với doanh nghiệp nhà nước.

Thực hiện Văn bản số 7959/BNMT-KHTC ngày 16/10/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc báo cáo kết quả sắp xếp đổi mới và quản lý đất đai của các công ty nông, lâm nghiệp.

UBND tỉnh Gia Lai báo cáo kết quả sắp xếp đổi mới và quản lý đất đai của các Công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh như sau:

Sau khi hợp nhất hai tỉnh Gia Lai và Bình Định thành tỉnh Gia Lai (*sau đây gọi tắt là tỉnh Gia Lai*), cơ cấu tổ chức, phạm vi quản lý nhà nước và số lượng doanh nghiệp lâm nghiệp trên địa bàn có sự thay đổi lớn. UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành liên quan rà soát, sắp xếp và đổi mới toàn bộ các công ty nông, lâm nghiệp, bảo đảm thống nhất với mô hình tổ chức hành chính mới, phù hợp với quy hoạch phát triển lâm nghiệp và yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Thực hiện các quy định tại Nghị định số 118/2014/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh Gia Lai đã chỉ đạo các sở, ngành, doanh nghiệp triển khai công tác sắp xếp, đổi mới, quản lý và sử dụng đất của các công ty nông, lâm nghiệp, kết quả cụ thể như sau:

1. Kết quả thực hiện sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp thực hiện cổ phần hóa

- Tỉnh Gia Lai đã hoàn thành sắp xếp, đổi mới theo phương án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt giai đoạn 2011-2018¹, trong đó bao gồm 03 công ty hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp: (1) Công ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn; (2) Công ty TNHH MTV Chè Biền Hồ; (3) Công ty TNHH MTV Cà phê Gia Lai.

- Không có Công ty nông, lâm nghiệp chưa hoàn thành sắp xếp, đổi mới.

¹ Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg ngày 15/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ

2. Kết quả thực hiện sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp tiếp tục duy trì, củng cố, phát triển và tái cơ cấu các công ty lâm nghiệp theo mô hình công ty TNHH MTV Lâm nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

- Đối với 03 Công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định (trước sắp xếp)

Năm 2024, được sự đồng ý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Định tại Kết luận số 449-KL/TU ngày 24/12/2024, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Đề án số 02/ĐA-UBND ngày 25/3/2025 về việc hợp nhất 03 Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh, Sông Kôn và Quy Nhơn thành 01 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (Công ty TNHH Lâm nghiệp Bình Định). Đồng thời, đã có Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 25/3/2025 gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị xem xét, cho ý kiến đối với Đề án này.

- Đối với 11 Công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp)

Căn cứ Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ và Văn bản số 1831/TTg-ĐMDN ngày 15/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ, năm 2016 UBND tỉnh Gia Lai đã ban hành các Quyết định phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới đối với 11 công ty TNHH MTV lâm nghiệp, theo hướng tiếp tục duy trì, củng cố, phát triển và tái cơ cấu các công ty theo mô hình công ty TNHH MTV lâm nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

Tuy nhiên, sau sắp xếp, hoạt động của các Công ty lâm nghiệp này còn nhiều khó khăn, vướng mắc, hiệu quả hoạt động chưa cao. Nhằm đáp ứng được nhiệm vụ quản lý bảo vệ, phát triển rừng, đồng thời tổ chức lại mô hình sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực lâm nghiệp đảm bảo phát huy hiệu quả sản xuất kinh doanh, phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành, tình hình phát triển kinh tế tại địa phương, UBND tỉnh Gia Lai đã có nhiều Văn bản chỉ đạo các Sở, ngành liên quan triển khai thực hiện xây dựng Đề án sắp xếp, đổi mới các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp nêu trên².

- Sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh (từ ngày 01/7/2025): UBND tỉnh Gia Lai tiếp tục có các Văn bản chỉ đạo các Sở, ngành triển khai rà soát, tham mưu, đề xuất Đề án sắp xếp các Công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh³, đảm bảo tinh gọn, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Công ty lâm nghiệp theo đúng chủ trương của Đảng, Nhà nước, quy định của pháp luật, phù hợp với đặc điểm tình hình sau sắp xếp và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong tình hình mới. Hiện nay, tỉnh Gia Lai đang khẩn trương xây dựng Đề án sắp xếp để trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

a) Kết quả sắp xếp, đổi mới

² Các Văn bản số 949/UBND-KTTH ngày 22/4/2024, Thông báo số 132/TB-VPUB ngày 15/7/2024, Văn bản số 4166/VP-NL ngày 06/11/2024, Thông báo số 19/TB-VPUB ngày 18/01/2025;

³ Thông báo số Thông báo số 13/TB-UBND ngày 07/7/2025; Thông báo số 312/TB-VPUBND ngày 21/10/2025

- Tổng số công ty nông, lâm nghiệp:

Trên địa bàn tỉnh Gia Lai hiện có 17 công ty nông, lâm nghiệp, bao gồm:

+ 14 công ty lâm nghiệp (11 công ty thuộc địa bàn Gia Lai cũ và 03 công ty thuộc địa bàn Bình Định cũ sau khi hợp nhất tỉnh);

+ 03 công ty nông nghiệp: Công ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn, Công ty TNHH MTV Chè Biển Hồ, Công ty TNHH MTV Cà phê Gia Lai.

Tất cả các công ty đều đang hoạt động theo mô hình do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, thực hiện song song nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng với hoạt động sản xuất kinh doanh lâm nghiệp hoặc nông nghiệp phù hợp với điều kiện của từng đơn vị.

- Công ty nông, lâm nghiệp đã hoàn thành sắp xếp, đổi mới theo phương án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt:

Tỉnh Gia Lai đã hoàn thành toàn bộ công tác sắp xếp, đổi mới theo Phương án tổng thể được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Văn bản số 1831/TTg-ĐMDN ngày 15/10/2015, cụ thể:

+ 03 công ty nông nghiệp (Chè Bàu Cạn, Chè Biển Hồ, Cà phê Gia Lai) đã hoàn thành cổ phần hóa trong giai đoạn 2011-2018.

+ 11 công ty lâm nghiệp thuộc Gia Lai cũ đã được UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới theo đúng Phương án tổng thể được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tại các Quyết định số 98/QĐ-UBND đến số 108/QĐ-UBND cùng ngày 26/02/2016 về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới đối với các Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp: Ka Nák, Lơ Ku, Sơ Pai, Ia Pa, Kông Chro, Kông Chiêng, Kông H'De, Hà Nùng, Krông Pa, Đak Roong và Trạm Lập, thực hiện đúng Phương án tổng thể Thủ tướng phê duyệt, hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV 100% vốn Nhà nước, đảm nhiệm nhiệm vụ công ích quản lý, bảo vệ, phát triển rừng tự nhiên kết hợp sản xuất kinh doanh rừng trồng.

- Công ty nông, lâm nghiệp chưa hoàn thành sắp xếp, đổi mới: Không có công ty nông, lâm nghiệp chưa hoàn thành sắp xếp, đổi mới. Tất cả các công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới theo đúng Phương án tổng thể được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Công ty nông, lâm nghiệp chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: Không có công ty nông, lâm nghiệp chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong giai đoạn trước hợp nhất tỉnh.

Tuy nhiên, sau khi hợp nhất hai tỉnh Gia Lai và Bình Định thành tỉnh Gia Lai từ ngày 01/7/2025, UBND tỉnh đang xây dựng Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới 14 công ty lâm nghiệp để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt theo quy định, đảm bảo phù hợp mô hình tổ chức hành chính, quy hoạch phát triển lâm nghiệp và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn mới.

- Công ty nông, lâm nghiệp thực hiện sắp xếp, đổi mới không theo Phương án tổng thể đã được phê duyệt: Không có công ty nông, lâm nghiệp thực hiện sắp xếp, đổi mới không theo Phương án tổng thể đã được phê duyệt. Tất cả các công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn đều thực hiện đúng theo Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Văn bản số 1831/TTg-ĐMDN ngày 15/10/2015.

Việc rà soát, điều chỉnh hiện nay chỉ là bước cập nhật, hoàn thiện để phù hợp với tình hình mới sau khi hợp nhất tỉnh.

- Công ty nông, lâm nghiệp đề xuất thay đổi mô hình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt:

Hiện có 03 Công ty lâm nghiệp thuộc địa bàn Bình Định cũ, gồm Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh, Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn và Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn, đã được Tỉnh ủy Bình Định chấp thuận chủ trương hợp nhất tại Kết luận số 449-KL/TU ngày 24/12/2024.

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh Bình Định cũ đã ban hành Đề án số 02/ĐA-UBND ngày 25/3/2025 về việc hợp nhất ba công ty nêu trên thành một doanh nghiệp duy nhất - Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Định, do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Đồng thời, UBND tỉnh đã có Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 25/3/2025 gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

+ Đã được phê duyệt phương án điều chỉnh: Chưa có. Hiện Bộ Nông nghiệp và Môi trường đang trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

+ Chưa được phê duyệt phương án điều chỉnh: 03 công ty (Hà Thanh, Sông Kôn, Quy Nhơn).

+ Dự kiến (*các công ty dự kiến sẽ điều chỉnh lại mô hình*): 14 công ty lâm nghiệp thuộc tỉnh Gia Lai đang trong quá trình xây dựng Đề án tổng thể sắp xếp lại để phù hợp với quy mô quản lý, ranh giới hành chính và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương sau hợp nhất tỉnh.

- Các công ty đã hoàn thành sắp xếp, đổi mới theo phương án được phê duyệt nhưng tiếp tục sắp xếp: UBND tỉnh Gia Lai đang tổ chức rà soát, xây dựng Đề án tổng thể sắp xếp lại toàn bộ 14 công ty lâm nghiệp, nhằm tinh gọn tổ chức, tăng hiệu quả hoạt động, phù hợp mô hình quản lý mới sau sáp nhập tỉnh.

+ Đã hoàn thành: Chưa có đơn vị nào hoàn tất Đề án sắp xếp mới.

+ Chưa được phê duyệt: 14 Công ty lâm nghiệp – hiện Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đang xây dựng, hoàn thiện và tổng hợp hồ sơ Đề án sắp xếp, đổi mới toàn tỉnh để trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định theo quy định.

+ Dự kiến (*các công ty dự kiến sẽ tiếp tục sắp xếp*): Toàn bộ 14 công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai sẽ được rà soát, sắp xếp lại trong năm 2025 theo Đề án tổng thể để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đảm bảo thống nhất, hiệu quả và phù hợp điều kiện thực tế của địa phương.

b) Nguyên nhân chưa hoàn thành sắp xếp, đổi mới

Công tác sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai về cơ bản đã hoàn thành theo Phương án tổng thể được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Văn bản số 1831/TTg-ĐMDN ngày 15/10/2015.

Tuy nhiên, sau khi hợp nhất đơn vị hành chính hai tỉnh Gia Lai và Bình Định (từ ngày 01/7/2025), UBND tỉnh Gia Lai đang xây dựng Đề án tổng thể sắp xếp lại toàn bộ 14 công ty lâm nghiệp nhằm đảm bảo phù hợp mô hình tổ chức, phạm vi quản lý và điều kiện phát triển mới của tỉnh.

Một số nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc phải tiếp tục rà soát, điều chỉnh, sắp xếp lại được xác định như sau:

(1) Nguyên nhân chưa hoàn thành sắp xếp, đổi mới:

Sau khi sáp nhập tỉnh, ranh giới hành chính và địa bàn quản lý thay đổi lớn, nhiều công ty phải tiếp nhận thêm diện tích rừng, đất rừng, tài sản, hồ sơ địa chính và lâm phần từ các đơn vị liền kề; cần thời gian để rà soát, đo đạc, cập nhật lại phương án sử dụng đất và hoàn thiện hồ sơ pháp lý.

Một số công ty chưa hoàn tất việc cập nhật bản đồ, dữ liệu đất đai và ranh giới quản lý theo hiện trạng mới, dẫn đến chưa thể hoàn thiện hồ sơ phê duyệt Đề án sắp xếp theo quy định.

Kinh phí, nhân lực và dữ liệu phục vụ điều tra, đánh giá tài nguyên rừng, lập phương án sắp xếp còn hạn chế, tiến độ xây dựng Đề án tổng thể toàn tỉnh còn chậm.

Trong quá trình rà soát, hoàn thiện hồ sơ sắp xếp, đổi mới, UBND tỉnh đang chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp liên quan rà soát, cập nhật hiện trạng đất đai, bảo đảm tính pháp lý, thống nhất số liệu và hồ sơ trước khi trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, phê duyệt.

(2) Nguyên nhân chưa được phê duyệt phương án:

Đối với 03 công ty lâm nghiệp thuộc địa bàn tỉnh Bình Định trước khi sáp nhập (gồm Hà Thanh, Sông Kôn và Quy Nhơn), Đề án hợp nhất thành Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Định đã được Tỉnh ủy Bình Định chấp thuận chủ trương tại Kết luận số 449-KL/TU ngày 24/12/2024 và UBND tỉnh Bình Định ban hành Đề án số 02/ĐA-UBND ngày 25/3/2025.

Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đang xem xét, thẩm định hồ sơ để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt theo quy định.

Đối với 14 công ty lâm nghiệp thuộc tỉnh Gia Lai:

UBND tỉnh đang tổ chức xây dựng Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới toàn tỉnh, tổng hợp các đề xuất của doanh nghiệp và cơ quan chuyên môn, nên chưa trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(3) Nguyên nhân sắp xếp không theo Phương án tổng thể đã được phê duyệt:

Không có công ty nông, lâm nghiệp sắp xếp không theo Phương án tổng thể đã được phê duyệt. Tất cả các công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn đều thực hiện đúng Phương án tổng thể được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Văn bản số 1831/TTg-ĐMDN ngày 15/10/2015.

Các nội dung rà soát, điều chỉnh hiện nay chỉ nhằm cập nhật, hoàn thiện phương án để phù hợp với tình hình mới sau hợp nhất tỉnh, không làm thay đổi mục tiêu, nguyên tắc hoặc mô hình đã được phê duyệt.

(4) Lý do xin điều chỉnh mô hình sắp xếp:

Sau khi sáp nhập tỉnh, quy mô quản lý, phạm vi hoạt động, tổ chức bộ máy và chức năng nhiệm vụ của các công ty lâm nghiệp có nhiều thay đổi. Nhiều đơn vị quản lý diện tích rừng và đất lâm nghiệp lớn, phân bố rải rác trên địa bàn nhiều xã, huyện, trong đó có diện tích xen kẽ, chồng lấn hoặc thay đổi ranh giới hành chính. Do đó, cần rà soát, điều chỉnh lại mô hình tổ chức, phương án sản xuất kinh doanh và ranh giới quản lý để bảo đảm thống nhất, phù hợp với hiện trạng và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Một số công ty lâm nghiệp chủ yếu hoạt động sản xuất kinh doanh như Hà Nừng, Lơ Ku, Quy Nhơn có nhu cầu chuyển đổi mô hình theo hướng tăng cường tự chủ tài chính, huy động nguồn lực xã hội hóa, mở rộng hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài tỉnh để đầu tư trồng rừng, chế biến gỗ, phát triển vùng nguyên liệu lâm sản gỗ lớn và chứng chỉ FSC.

Một số công ty thực hiện nhiệm vụ công ích chủ yếu, như Kông H'De, Kông Chiêng, Krông Pa, Sơ Pai, Ka Nák,... cần tiếp tục duy trì mô hình Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ để bảo đảm ổn định trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và thực hiện tốt các nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực lâm nghiệp.

Đối với Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đak Roong và Trạm Lập, phần lớn diện tích rừng và đất lâm nghiệp hiện nay đã được quy hoạch chuyên sang rừng đặc dụng, vì vậy cần xem xét điều chỉnh mô hình hoạt động theo hướng Ban Quản lý rừng đặc dụng, phù hợp với Luật Lâm nghiệp năm 2017, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP và quy hoạch ba loại rừng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(5) Lý do, nguyên nhân tiếp tục sắp xếp sau khi hoàn thành:

Hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các công ty lâm nghiệp còn thấp, chủ yếu dựa vào nguồn ngân sách và chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR), trong khi năng lực quản trị, công nghệ và thị trường tiêu thụ còn hạn chế.

Cơ chế tài chính, quản lý đất đai và định mức kinh phí bảo vệ rừng chưa đồng bộ, thiếu hướng dẫn xử lý đất tranh chấp, chiếm canh hoặc cơ chế khuyến khích tái đầu tư trồng rừng gỗ lớn, rừng FSC.

Yêu cầu phát triển vùng nguyên liệu tập trung, chế biến sâu, nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng đòi hỏi các công ty phải tái cơ cấu lại mô hình hoạt động, gắn sản xuất với thị trường và chuỗi giá trị.

Công tác quản lý, bảo vệ rừng ở vùng sâu, vùng xa, khu vực đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều áp lực, do sinh kế khó khăn, tập quán canh tác lạc hậu, tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất làm nương rẫy vẫn xảy ra, gây khó khăn cho việc quản lý rừng bền vững.

Nguồn nhân lực ngành lâm nghiệp thiếu ổn định, lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách chưa được hưởng chế độ đãi ngộ phù hợp, dẫn đến tình trạng thiếu hụt nhân lực, khó tuyển dụng và giữ chân lao động lâu dài.

2. Về đất đai

a) Hiện trạng theo phương án sắp xếp, đổi mới

Tổng diện tích đất của 14 Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp thuộc tỉnh Gia Lai theo các Phương án sắp xếp, đổi mới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là 175.040,9 ha, trong đó:

- Đất nông nghiệp: 174.436,25 ha, gồm:
 - + Đất sản xuất nông nghiệp: 2.915,55 ha;
 - + Đất lâm nghiệp: 168.555,83 ha;
 - + Đất nông nghiệp khác: 51,19 ha;
 - + Đất không sử dụng: 2.358,48 ha;
 - + Đất tranh chấp, lấn chiếm, trùng lặp: 565,18 ha.
- Đất phi nông nghiệp: 554,57 ha, trong đó:
 - + Đất không sử dụng: 0,00 ha;
 - + Đất tranh chấp, lấn chiếm, trùng lặp: 0,00 ha.

Nhìn chung, diện tích đất theo Phương án sắp xếp, đổi mới của các công ty cơ bản ổn định, phù hợp với hiện trạng thực tế và quy hoạch ba loại rừng được phê duyệt. Một số sai số nhỏ chủ yếu do chênh lệch đo đạc hoặc do các quyết định thu hồi, điều chỉnh cục bộ của UBND tỉnh trong giai đoạn 2019-2024.

b) Hiện trạng quản lý, sử dụng đất tại thời điểm báo cáo:

Tổng diện tích đất hiện do 14 công ty lâm nghiệp đang quản lý, sử dụng là 171.124 ha, trong đó:

- Đất sử dụng đúng mục đích: 160.739,91 ha;
- Đất sử dụng chưa đúng mục đích: 6.289,44 ha;
- Đất không sử dụng: 2.221,22 ha;
- Đất khoán: 1.930,04 ha;
- Đất cho thuê: 0,00 ha;

- Đất có tranh chấp, lấn chiếm: 848,63 ha.

Cơ cấu chi tiết như sau:

- Đất nông nghiệp: 170.647,18 ha, gồm:
 - + Đất sử dụng đúng mục đích: 160.346,39 ha;
 - + Đất sử dụng chưa đúng mục đích: 6.287,9 ha;
 - + Đất không sử dụng: 2.179,02 ha;
 - + Đất khoán: 1.930,4 ha;
 - + Đất cho thuê: 0,00 ha;
 - + Đất tranh chấp, lấn chiếm: 848,63 ha.
- Đất phi nông nghiệp: 530,71 ha, gồm:
 - + Đất sử dụng đúng mục đích: 488,51 ha;
 - + Đất sử dụng chưa đúng mục đích: 0,00 ha;
 - + Đất không sử dụng: 42,2 ha;
 - + Đất cho thuê: 0,00 ha;
 - + Đất tranh chấp, lấn chiếm: 0,00 ha.

Nhìn chung, hầu hết diện tích đất được quản lý, sử dụng đúng mục đích, phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững. Một số công ty còn tồn tại diện tích đất khoán bảo vệ rừng, hoặc diện tích tạm thời chưa khai thác hiệu quả, song không phát sinh vi phạm pháp luật về đất đai, không có tranh chấp kéo dài.

c) Diện tích đất giao về địa phương⁴

- Dự kiến giao: 20.268,91 ha;
- Đã giao: 20.056,85 ha;
- Tiếp tục giao: 195,36 ha.

Việc bàn giao đất chủ yếu liên quan đến các diện tích sản xuất nông nghiệp do người dân canh tác ổn định, các khu dân cư xen kẽ trong ranh giới công ty, hoặc các khu đất nhỏ lẻ, manh mún không phù hợp chức năng lâm nghiệp. Quá trình bàn giao được thực hiện theo đúng quy định của Luật Đất đai và các quyết định của UBND tỉnh, có biên bản, mốc ranh giới rõ ràng và bàn giao giữa công ty - địa phương - cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành.

3. Về phê duyệt phương án sử dụng và đo đạc, cắm mốc ranh giới

a) Về phê duyệt phương án sử dụng đất

- Công ty nông, lâm nghiệp đã được phê duyệt phương án sử dụng đất:

⁴ Theo Phương án, Đề án sắp xếp, đổi mới đã được phê duyệt và phương án sử dụng đất.

Đến thời điểm báo cáo, 14/14 Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai đều đã được UBND tỉnh phê duyệt Phương án sử dụng đất sau sắp xếp, đổi mới theo quy định của Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thay thế.

Các phương án được phê duyệt đã xác định rõ ranh giới, diện tích, cơ cấu đất nông nghiệp, phi nông nghiệp, phù hợp với quy hoạch ba loại rừng và định hướng sử dụng đất của tỉnh giai đoạn 2021-2030.

- Công ty nông, lâm nghiệp chưa được phê duyệt phương án sử dụng đất⁵: Không có công ty nông, lâm nghiệp chưa được phê duyệt phương án sử dụng đất, tất cả các công ty đều đã được UBND tỉnh phê duyệt phương án sử dụng đất.

- Công ty có điều chỉnh phương án sử dụng đất đã được phê duyệt⁶:

Một số công ty như Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sông Kôn, Ka Nák, Sơ Pai, Trạm Lập đã được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh, cập nhật cục bộ Phương án sử dụng đất để phù hợp với tình hình thực tế quản lý, đảm bảo thống nhất với quy hoạch ba loại rừng và quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh giai đoạn 2021-2030.

b) Về đo đạc, cắm mốc ranh giới, lập bản đồ địa chính cấp giấy CNQSDĐ

- Công ty nông, lâm nghiệp hoàn thành:

Đến nay, 14/14 Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã hoàn thành công tác đo đạc, cắm mốc ranh giới và lập hồ sơ địa chính theo quy định.

Tổng diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đạt trên 170.000 ha, tương đương hơn 98% tổng diện tích được giao quản lý.

Trong đó, các công ty Sông Kôn, Sơ Pai, Ka Nák, Trạm Lập, Kông Chro đã được cấp GCNQSDĐ cho toàn bộ diện tích; hồ sơ bản đồ địa chính được lưu trữ, quản lý đầy đủ tại cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, đảm bảo thống nhất với hồ sơ đo đạc ngoài thực địa.

- Công ty nông, lâm nghiệp đang thực hiện⁷:

Một số công ty đang hoàn thiện thủ tục cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính hoặc cấp đổi GCNQSDĐ do sáp nhập địa giới hành chính và điều chỉnh ranh giới ba loại rừng; tuy nhiên các công việc này chỉ mang tính kỹ thuật, không ảnh hưởng đến ranh giới thực tế quản lý và sử dụng đất.

⁵ Nêu rõ nguyên nhân, lý do chưa phê duyệt.

⁶ Nêu rõ nguyên nhân, lý do điều chỉnh.

⁷ Nêu nguyên nhân, lý do chậm thực hiện.

- Công ty nông, lâm nghiệp chưa thực hiện⁸: Không có công ty nông, lâm nghiệp nào chưa thực hiện. Tất cả các công ty đều đã hoàn thành đo đạc, cắm mốc ranh giới và lập hồ sơ địa chính theo quy định.

4. Đánh giá việc triển khai thực hiện và kết quả sắp xếp đổi mới và quản lý, sử dụng đất đai tại các công ty nông, lâm nghiệp từ sau Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20/9/2024 và Kết luận số 103-KL/TW ngày 02/12/2024 của Bộ Chính trị đến nay:

Từ sau khi ban hành Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ và Kết luận số 103-KL/TW ngày 02/12/2024 của Bộ Chính trị, công tác sắp xếp, đổi mới và quản lý, sử dụng đất đai tại các công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai đạt nhiều kết quả tích cực:

- 100% công ty đã hoàn thành việc phê duyệt phương án sử dụng đất, đo đạc, cắm mốc, lập hồ sơ địa chính.

- Hầu hết diện tích đất được quản lý, sử dụng đúng mục đích, phục vụ nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tự nhiên, trồng rừng sản xuất, góp phần ổn định đời sống, bảo đảm quốc phòng – an ninh.

- Các tồn tại chủ yếu liên quan đến diện tích đất khoán, đất manh mún xen kẽ dân cư hoặc diện tích chưa khai thác hiệu quả; các trường hợp này đã được rà soát, lập phương án bàn giao về địa phương để quản lý.

- Việc quản lý, sử dụng đất đai tại các công ty ngày càng đi vào nề nếp, minh bạch, có hồ sơ pháp lý đầy đủ, tạo cơ sở cho việc tích hợp vào cơ sở dữ liệu đất đai, rừng và tài sản công của tỉnh.

II. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI, ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc

a) Tồn tại

- Tồn tại chung:

Hiệu quả hoạt động của các Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai nhìn chung chưa tương xứng với tiềm năng tài nguyên đất và rừng được Nhà nước giao quản lý.

Phần lớn các công ty chủ yếu thực hiện nhiệm vụ công ích quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên theo kế hoạch hằng năm; trong khi hoạt động sản xuất – kinh doanh lâm nghiệp, trồng rừng sản xuất, chế biến gỗ và tham gia chuỗi giá trị lâm sản còn hạn chế.

Nguồn thu của doanh nghiệp phụ thuộc chủ yếu vào ngân sách Nhà nước và nguồn chi trả DVMTR, trong khi chi phí bảo vệ rừng, trồng rừng, khoanh nuôi, duy tu hạ tầng, chi trả nhân công ngày càng tăng, làm giảm khả năng tái đầu tư và phát triển sản xuất.

⁸ Nêu rõ nguyên nhân, lý do chưa thực hiện; vai trò, trách nhiệm của công ty và cơ quan chuyên môn.

Bên cạnh đó, toàn bộ 14/14 công ty đã được phê duyệt Phương án sử dụng đất sau sắp xếp, đổi mới với tổng diện tích hơn 170.000 ha, song nhiều phương án được lập từ giai đoạn 2018–2019, đến nay một số nội dung đã lạc hậu, chưa đồng bộ với quy hoạch ba loại rừng và quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh giai đoạn 2021-2030.

Một số đơn vị vẫn còn diện tích đất trống, đất khó trồng rừng, đất núi đá hoặc khu vực bị người dân lấn chiếm, canh tác xen kẽ, nhất là tại các công ty Hà Nừng, Lơ Ku, Krông Pa, gây khó khăn trong quản lý, sử dụng đất hiệu quả.

Công tác cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính và cấp đổi GCNQSDĐ sau khi sáp nhập tỉnh còn chậm; một số hồ sơ vẫn ghi nhận theo ranh giới hành chính cũ, cần tiếp tục rà soát, chuẩn hóa.

Những tồn tại nêu trên cho thấy, quá trình sắp xếp, đổi mới tuy đạt được kết quả bước đầu nhưng vẫn còn nhiều vấn đề cần tháo gỡ, đặc biệt về hiệu quả tài chính, năng lực sản xuất và công tác quản trị doanh nghiệp.

- Nguyên nhân chủ quan:

Công tác quản trị doanh nghiệp chậm đổi mới, năng lực điều hành, tổ chức sản xuất, quản lý tài chính và kiểm soát chi phí tại một số công ty còn hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu phát triển của mô hình doanh nghiệp lâm nghiệp hiện đại.

Thiếu vốn, thiếu phương án sản xuất - kinh doanh khả thi, dẫn đến khó huy động các nguồn lực xã hội để đầu tư trồng rừng, phát triển vùng nguyên liệu, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Ứng dụng khoa học - kỹ thuật còn hạn chế, nhiều đơn vị chưa triển khai mô hình rừng trồng theo tiêu chuẩn FSC hoặc quản lý rừng bền vững có chứng chỉ quốc tế, làm cho năng suất và giá trị rừng trồng chưa cao.

Hoạt động liên doanh, liên kết với tổ chức, hộ dân, hợp tác xã trong trồng rừng, chế biến gỗ và tiêu thụ sản phẩm còn ít; đầu ra sản phẩm chưa ổn định, giá trị gia tăng thấp, chưa hình thành được chuỗi sản xuất - tiêu thụ khép kín.

Một số công ty vẫn quản lý đất, rừng theo tư duy hành chính, chưa chuyển mạnh sang mô hình quản trị doanh nghiệp tự chủ; công tác lập kế hoạch, quản trị rủi ro và kiểm soát hiệu quả sử dụng đất, rừng, vốn nhà nước chưa được chú trọng đúng mức.

- Nguyên nhân khách quan:

Sau khi sáp nhập tỉnh Gia Lai và Bình Định, phạm vi, quy mô quản lý của các công ty mở rộng đáng kể, diện tích rừng trải dài, địa hình phức tạp, giao thông khó khăn, gây trở ngại lớn cho công tác tuần tra, kiểm tra hiện trường và bảo vệ rừng.

Áp lực dân số và nhu cầu đất sản xuất tăng cao dẫn đến tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng làm rẫy vẫn diễn biến phức tạp, nhất là tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Chính sách đóng cửa rừng tự nhiên làm mất nguồn thu chính từ khai thác gỗ, trong khi cơ chế hỗ trợ, bù đắp kinh phí cho nhiệm vụ công ích còn chậm, định mức chi thấp và thiếu ổn định.

Giá vật tư, nhân công và dịch vụ lâm nghiệp biến động mạnh, trong khi chu kỳ sản xuất dài, rủi ro thiên tai, sâu bệnh, cháy rừng cao, làm giảm hiệu quả đầu tư và khả năng tái tạo vốn.

Một số quy định pháp luật về giao đất, giao rừng, cho thuê rừng và chuyển mục đích sử dụng rừng còn chồng chéo, chưa thống nhất giữa Luật Lâm nghiệp và Luật Đất đai 2024, gây khó khăn cho việc áp dụng tại doanh nghiệp.

Khó khăn chung của 11 công ty lâm nghiệp (giai đoạn trước sáp nhập)

Tình trạng gia tăng dân số và nhu cầu sử dụng đất tại các địa phương đã gây sức ép lớn lên tài nguyên rừng. Nhiều hộ dân phá rừng, lấn chiếm đất rừng để canh tác, trồng cây nông sản, cây công nghiệp có giá trị cao, hoặc tách hộ làm tăng nhu cầu đất ở, đất sản xuất, khiến công tác quản lý, bảo vệ rừng của doanh nghiệp ngày càng phức tạp.

Việc triển khai Nghị định số 58/2024/NĐ-CP về chính sách đầu tư trong lâm nghiệp giúp hỗ trợ kinh phí quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên, song tỉnh Gia Lai chưa tự cân đối được ngân sách, nguồn thu hạn chế, chi thường xuyên tăng mạnh, nên phải phụ thuộc phần lớn vào nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu hàng năm. Dự kiến năm 2026, khả năng cân đối ngân sách địa phương tiếp tục khó khăn, ảnh hưởng đến việc cấp kinh phí bảo vệ rừng và thực hiện nhiệm vụ công ích.

Chu kỳ đầu tư trồng rừng dài (khoảng 7 năm), lợi nhuận thấp, rủi ro cao, khiến phần lớn các công ty chỉ đủ sức thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên. Không ít công ty thiếu quỹ đất trồng rừng sản xuất, một phần diện tích bị chiếm canh, lấn chiếm, hoặc nằm xen kẽ với dân cư, gây khó khăn trong tổ chức sản xuất.

Mô hình rừng trồng FSC chưa triển khai; định mức đầu tư thấp, vốn thiếu, hiệu quả thấp. Nhiều công ty phải khai thác rừng non để duy trì hoạt động, dẫn đến tỷ lệ rừng gỗ lớn thấp, ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển bền vững.

Tình trạng người dân lấn chiếm đất, khai thác gỗ trái phép vẫn xảy ra, trong khi chưa có chính sách đặc thù để xử lý dứt điểm đất chiếm canh, tranh chấp, gây khó khăn trong quản lý lâu dài.

b) Khó khăn, vướng mắc

- Về điều kiện thực tế:

Hoạt động sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp của các công ty gặp nhiều trở ngại do chu kỳ trồng rừng dài (6-8 năm), vốn quay vòng chậm, lợi nhuận thấp. Phần lớn doanh nghiệp thiếu vốn lưu động, khó tiếp cận tín dụng ưu đãi; chi phí giống, nhân công, vật tư, tuần tra bảo vệ rừng tăng cao.

Nhiều công ty không còn quỹ đất trống để mở rộng trồng rừng hoặc chuyển đổi cây trồng có giá trị; một phần diện tích bị lấn chiếm hoặc xen kẽ dân cư, gây khó khăn trong quản lý ranh giới và tổ chức sản xuất.

Địa hình chia cắt, dân cư sống xen kẽ trong rừng, nhận thức về bảo vệ rừng còn hạn chế, khiến nguy cơ xâm hại, chặt phá rừng vẫn tiềm ẩn. Các công ty phải tăng tần suất tuần tra, gác trực, làm chi phí bảo vệ rừng cao nhưng hiệu quả thấp.

Một số công ty thiếu trụ sở, phương tiện, thiết bị chuyên dụng và lực lượng bảo vệ rừng đủ mạnh; đường tuần tra, đường lâm nghiệp xuống cấp, gây khó khăn cho công tác kiểm soát, chữa cháy và xử lý vi phạm.

Sau sáp nhập, diện tích quản lý tăng lớn, địa bàn rộng, phức tạp, gây khó khăn cho công tác chỉ đạo, giám sát của lãnh đạo doanh nghiệp, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa, nơi người dân vẫn có tập quán phá rừng làm nương rẫy.

- Về cơ chế, chính sách:

Hiện nay chưa có cơ chế tài chính thống nhất cho các công ty lâm nghiệp; thiếu hướng dẫn cụ thể về quản lý tài chính, phân phối lợi nhuận và xử lý tài sản công sau khi hoàn thành sắp xếp, đổi mới theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP và Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.

Chưa có quy định rõ ràng về quản lý, sử dụng vốn, tài sản và lợi nhuận của các công ty lâm nghiệp 100% vốn Nhà nước, dẫn đến lúng túng trong hạch toán, trích lập và sử dụng quỹ.

Cơ chế khoán bảo vệ rừng và chi trả dịch vụ môi trường rừng còn nhiều bất cập: định mức thấp, thủ tục thanh quyết toán phức tạp, giải ngân chậm, ảnh hưởng đến thu nhập người nhận khoán và khả năng duy trì lực lượng bảo vệ rừng.

Định mức hỗ trợ đầu tư, chăm sóc, bảo vệ rừng hiện hành còn thấp, chưa đủ khuyến khích doanh nghiệp tái đầu tư, mở rộng sản xuất. Việc thực hiện khoán bảo vệ rừng tự nhiên theo đơn giá mới còn chậm, nhiều địa phương vẫn áp dụng đơn giá cũ, chưa phù hợp với địa hình, khí hậu và điều kiện vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tại các khu vực rừng xa dân cư, chi phí tuần tra, quản lý rừng cao gấp nhiều lần định mức, trong khi chưa có quy định cụ thể về phụ cấp, trang thiết bị, xăng dầu cho lực lượng bảo vệ rừng. Điều này làm giảm động lực của người nhận khoán, buộc một số công ty phải giảm tần suất tuần tra hoặc gộp diện tích khoán, làm tăng nguy cơ cháy rừng và xâm hại rừng trong mùa khô.

Chưa có chính sách đặc thù để xử lý dứt điểm diện tích đất tranh chấp, chiếm canh, chồng lấn với đất nông nghiệp; thiếu cơ chế tín dụng ưu đãi hoặc quỹ hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn, rừng FSC, dẫn đến thiếu nguồn lực dài hạn cho phát triển lâm nghiệp bền vững.

2. Đề xuất, kiến nghị

- Đề xuất, kiến nghị về cơ chế, chính sách:

Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, ban hành cơ chế tài chính đặc thù áp dụng cho các công ty lâm nghiệp sau sắp xếp, đổi mới, đặc biệt là đối với các đơn vị thực hiện nhiệm vụ công ích quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, nhằm bảo đảm nguồn lực ổn định, lâu dài cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai .

Rà soát, điều chỉnh định mức kinh phí bảo vệ rừng, mức hỗ trợ trồng rừng sản xuất và đơn giá chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng vùng sinh thái, đặc biệt là khu vực miền núi, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nơi chi phí tuần tra, bảo vệ rừng cao gấp nhiều lần định mức hiện hành. Việc điều chỉnh cần thực hiện thống nhất theo quy định của Nghị định số 58/2024/NĐ-CP, bảo đảm tính khả thi và tạo động lực để các công ty duy trì hoạt động ổn định, tái đầu tư cho phát triển lâm nghiệp bền vững.

Xây dựng và hướng dẫn cơ chế hỗ trợ xử lý các trường hợp đất lâm nghiệp bị lấn chiếm, chiếm canh, chồng lấn với đất nông nghiệp, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước – doanh nghiệp – người dân; đồng thời, ban hành hướng dẫn cụ thể về thủ tục giao, cho thuê, thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất lâm nghiệp sau sắp xếp, giúp các công ty quản lý đất đai ổn định, hợp pháp và thuận lợi trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cũng như triển khai phương án quản lý, bảo vệ rừng bền vững.

Ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi về tín dụng, thuế và hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp đầu tư trồng rừng gỗ lớn, rừng có chứng chỉ quản lý bền vững (FSC), rừng phòng hộ kết hợp sinh kế, đồng thời khuyến khích phát triển mô hình hợp tác công – tư (PPP) trong trồng rừng, phát triển vùng nguyên liệu, chế biến sâu và tiêu thụ sản phẩm gỗ, góp phần hình thành chuỗi giá trị lâm sản ổn định, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên rừng.

Bổ sung chính sách đặc thù đối với lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách, bao gồm phụ cấp, bảo hiểm nghề nghiệp, trang thiết bị bảo hộ và chế độ công tác vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, tương xứng với tính chất nguy hiểm và đặc thù công việc, nhằm ổn định thu nhập, nâng cao đời sống và khuyến khích gắn bó lâu dài với nghề bảo vệ rừng.

Đồng thời, đề nghị Trung ương xem xét hỗ trợ ngân sách có mục tiêu hàng năm cho tỉnh Gia Lai để đảm bảo đủ nguồn chi thực hiện nhiệm vụ công ích quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên và phát triển lâm nghiệp bền vững, nhất là trong giai đoạn địa phương chưa tự cân đối được ngân sách và đang triển khai mô hình chính quyền hai cấp sau sáp nhập.

- Đề xuất, kiến nghị về thay đổi mô hình sắp xếp các công ty nông, lâm nghiệp:

Tỉnh Gia Lai đang tổ chức xây dựng Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Quy

hoạch tỉnh, Quy hoạch ba loại rừng và các quy định của pháp luật hiện hành, phù hợp với điều kiện thực tế sau khi sáp nhập địa giới hành chính.

Theo đó, tỉnh tiếp tục duy trì mô hình Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đối với các công ty được giao thực hiện nhiệm vụ công ích, như quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và các khu rừng có vị trí đặc biệt về quốc phòng, an ninh, môi trường, đa dạng sinh học và phòng chống thiên tai.

Mô hình này được xác định là phù hợp, cần thiết để giữ vững vai trò chủ đạo của Nhà nước trong quản lý tài nguyên rừng, bảo đảm ổn định xã hội, an ninh - quốc phòng và phát triển lâm nghiệp bền vững tại các vùng có vị trí chiến lược.

Đối với các công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp, tỉnh sẽ nghiên cứu, đề xuất phương án chuyển đổi mô hình tổ chức và hoạt động phù hợp hơn với cơ chế thị trường, theo hướng:

Tăng cường tự chủ tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh;

Khuyến khích huy động nguồn lực xã hội, mở rộng hợp tác liên doanh, liên kết với các tổ chức, doanh nghiệp tư nhân có tiềm lực, uy tín và kinh nghiệm trong lĩnh vực trồng rừng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm gỗ;

Phát triển mô hình đối tác công - tư (PPP) trong các lĩnh vực trồng rừng, chế biến gỗ, phát triển vùng nguyên liệu lâm sản, gắn sản xuất với chế biến sâu, tiêu thụ sản phẩm và hình thành chuỗi giá trị lâm sản ổn định, bền vững.

Việc rà soát, đánh giá và điều chỉnh mô hình tổ chức của từng doanh nghiệp sẽ được tiến hành trên cơ sở xem xét toàn diện chức năng, nhiệm vụ, diện tích và loại rừng được giao quản lý, hiệu quả hoạt động thực tế và nhu cầu phát triển của từng vùng.

Kết quả rà soát sẽ là căn cứ để UBND tỉnh Gia Lai kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính và Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt phương án điều chỉnh mô hình tổ chức doanh nghiệp cho phù hợp với Luật Lâm nghiệp năm 2017, Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, Nghị định số 58/2024/NĐ-CP và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới.

- Đề xuất về phân công, phân cấp, phân quyền:

Tỉnh Gia Lai sẽ tổ chức rà soát, đánh giá toàn diện mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và hiệu quả hoạt động của các công ty lâm nghiệp sau sáp nhập, làm cơ sở để xây dựng phương án phân công, phân cấp và phân quyền quản lý phù hợp, bảo đảm thực hiện thống nhất theo chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Việc triển khai Đề án sắp xếp, đổi mới các công ty lâm nghiệp sẽ tuân thủ nguyên tắc phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm và mối quan hệ phối hợp giữa

các cơ quan quản lý nhà nước, các cấp chính quyền và doanh nghiệp, bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của UBND tỉnh, đồng thời phát huy tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Tỉnh sẽ tăng cường phân cấp gắn với kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, nhằm bảo đảm Đề án sắp xếp, đổi mới các công ty lâm nghiệp được triển khai đồng bộ với kế hoạch quản lý rừng bền vững, quy hoạch ba loại rừng và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lâm nghiệp và thúc đẩy vai trò của doanh nghiệp trong phát triển kinh tế rừng.

Đồng thời, UBND tỉnh Gia Lai kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành Trung ương quan tâm hướng dẫn, hỗ trợ địa phương trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới các công ty lâm nghiệp, đặc biệt là trong việc xây dựng cơ chế phối hợp, phân cấp quản lý tài chính - tài sản - đất đai - rừng thống nhất, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh và định hướng phát triển lâm nghiệp bền vững trong giai đoạn tới, gắn với Chiến lược phát triển lâm nghiệp quốc gia và Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

UBND tỉnh Gia Lai kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành Trung ương quan tâm xem xét, hướng dẫn và cho ý kiến đối với các nội dung nêu trên, nhằm bảo đảm việc sắp xếp, đổi mới và quản lý đất đai của các công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh được thực hiện thống nhất, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tài chính;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&MT, TC;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, T6, N1, N5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Mah Tiệp

Phụ lục 02

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SẮP XẾP ĐỔI MỚI VÀ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI CỦA CÁC CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 10 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Biểu 01. KẾT QUẢ SẮP XẾP, ĐỔI MỚI MÔI CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP CỦA ĐỊA PHƯƠNG, TẬP ĐOÀN, TỔNG CÔNG TY

TT	TÊN ĐƠN VỊ		Chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án hoặc chưa xây dựng	Mô hình sắp xếp, đổi mới được TTCP phê duyệt	Đã được phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới	Chưa được phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới	Thực hiện sắp xếp không theo mô hình được phê duyệt	Đề xuất thay đổi mô hình sắp xếp, đổi mới	Kết quả sắp xếp, đổi mới			Ghi chú
	Trước sắp xếp, đổi mới	Tại thời điểm báo cáo							Đã hoàn thành	Đang thực hiện	Chưa thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Công ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn	Công ty cổ phần Chè Bàu Cạn		Cổ phần hóa	x				x			
2	Công ty TNHH MTV Chè Biên Hồ	Công ty cổ phần Chè Biên Hồ		Cổ phần hóa	x				x			
3	Công ty TNHH MTV Cà phê Gia Lai	Công ty cổ phần Cà phê Gia Lai		Cổ phần hóa	x				x			
4	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Roong	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Roong		Tiếp tục duy trì	x				x			
5	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hà Nừng	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hà Nừng		Tiếp tục duy trì	x				x			
6	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa		Tiếp tục duy trì	x				x			
7	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ka Nak	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ka Nak		Tiếp tục duy trì	x				x			
8	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kông Chiêng	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kông Chiêng		Tiếp tục duy trì	x				x			
9	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kông Chro	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kông Chro		Tiếp tục duy trì	x				x			
10	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kông H'ê	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kông H'ê		Tiếp tục duy trì	x				x			
11	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Krông Pa	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Krông Pa		Tiếp tục duy trì	x				x			
12	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku		Tiếp tục duy trì	x				x			
13	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sơ Pai	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sơ Pai		Tiếp tục duy trì	x				x			
14	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trạm Lập	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trạm Lập		Tiếp tục duy trì	x				x			
15	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh		Tiếp tục duy trì	x				x			
16	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn		Tiếp tục duy trì	x				x			
17	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn		Tiếp tục duy trì	x				x			

Biểu 02. HIỆN TRẠNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRONG CÁC CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP
(Tại thời điểm báo cáo)

Đơn vị: ha

TT	Tên công ty	Tổng diện tích tự nhiên	Tổng diện tích đất nông nghiệp	Trong đó												
				Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Rừng sản xuất			Rừng phòng hộ			Rừng đặc dụng			Đất nông nghiệp khác
							Rừng sản xuất là rừng trồng	Rừng sản xuất là rừng tự nhiên	Đất trống QH trồng rừng	Rừng PH là rừng trồng	Rừng PH là rừng tự nhiên	Đất trống QH trồng rừng	Rừng DD là rừng trồng	Rừng DD là rừng tự nhiên	Đất trống QH trồng rừng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Roong	15475,72	15375,26					2638,21	108,41				26,89	12387,58	206,95	7,22
2	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hà Nừng	9160,38	9159,33				77,78	8004,12	38,62		1010,65					28,16
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	16379,82	16379,82				2570,37	13320,79	385,12							103,54
4	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa	13934,54	13933,00				524,35	12490,71	917,94							
5	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ka Ná	7745,89	7693,49				71,18	7490,85			131,46					
6	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kông Chiêng	15613,81	15558,18				653,04	10679,57	4225,57							
7	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kông Chro	21239,69	21172,51				2489,23	16066,49	2616,80							
8	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kông H'ê	15144,04	15067,42				55,43	13152,61	1634,15							225,23
9	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Krông Pa	7760,84	7717,84				156,33	4729,28	92,20	11,99	2702,13	23,98				1,93
10	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku	9208,79	9170,26	1448,73	2,30	0,00	670,06	5384,14		178,67	1486,11		0,00	0,00	0,00	0,25
11	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	8207,97	8197,42				1324,32		329,33	1744,64	1456,38	1301,55	795,98		540,92	704,30
12	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	12699,37	12693,33				1491,32	9038,44	91,39	17,86	1307,50					746,82
13	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sơ Pai	8245,27	8242,71	308,27	298,64		77,31	6671,31			609,82					277,36
14	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trạm Lập	10307,87	10286,61				11,49	10197,72	40,45							36,95

Biểu 03. HIỆN TRẠNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TRONG CÁC CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP
(Tại thời điểm báo cáo)

TT	Tên công ty	Đất phi nông nghiệp										
		Tổng diện tích	Đất ở	Trụ sở	Nhà xưởng, cơ sở chế biến	Công trình thủy lợi	Công trình công cộng	Nghĩa trang, nghĩa địa	Đường giao thông	Sông, ngòi, kênh, rạch	Núi đá	Chưa sử dụng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Roong	100,46		0,61	0,51				44,11	55,23		
2	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hà Nùng	1,05		1,05								
3	Công ty TNHH lâm nghiệp Hà Thanh	53,89		1,01					14,82	38,06		
4	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa	1,54		1,54								
5	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ka Nák	52,40	0,74	0,24					15,25	36,17		
6	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kông Chiêng	55,63		0,83					24,34	30,46		
7	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kông Chro	67,18		0,79					6,74	59,64		
8	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kông H'de	76,62		0,50					22,98	53,14		
9	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Krông Pa	43,00		0,80					21,70	20,50		
10	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku	38,53	0,05	0,31					27,16	11,01		
11	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	10,55		2,93	2,35				4,88	0,39		
12	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	6,04		0,33					5,71			
13	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sơ Pai	2,56		2,56								
14	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trăm Lập	21,26		0,73					6,46	14,07		

Biểu 04. HIỆN TRẠNG TỔ CHỨC SỬ DỤNG ĐẤT TRONG CÁC CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP
(Tại thời điểm báo cáo)

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công ty	Tổng diện tích đất được giao	Tự tổ chức sản xuất	Cho thuê		Cho mượn		Sử dụng đúng mục đích	Sử dụng chưa đúng mục đích	Không sử dụng	Bị lấn chiếm	Tranh chấp	Cấp trùng	Liên doanh, liên kết, HTĐT	Khoán					
				Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp								Khoán 01	Khoán 01/135	Khoán 135	Khoán hàng năm	Khoán bảo vệ rừng	Khoán trắng
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Roong	15475,72	11058,72					15153,14	322,58										3.967,00	
2	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hà Nừng	9160,38	9132,22					9132,22	28,16											
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	16379,82	16379,82					16379,82												
4	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa	13934,54	13934,54					8646,35	5288,2											
5	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ka Nák	7745,89	6773,95					7745,89						29,34					942,6	
6	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kông Chiêng	15.613,81	15.613,81					15.613,81												
7	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kông Chro	21.239,69	20.701,49					21.239,69						538,2						
8	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kông H'đe	15.144,04	15.144,04					15.144,04												
9	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Krông Pa	7.647,49	6.787,46					7.403,96	100,26			2,72							616,5	98,35
10	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku	9208,79	8742,6					8742,6			466,19									
11	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	8207,97	8207,97					5445,36		2171,8					590,81					
12	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	12699,37	12347,81								351,56									
13	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sơ Pài	8.245,27	7.361,00					7.361,00	585,63					298,64						
14	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trăm Láp	10307,87	10307,87					10307,87											2000	

Biểu 05. DIỆN TÍCH ĐẤT NÔNG NGHIỆP TIẾP TỤC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRONG CÁC CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP
(Tại thời điểm báo cáo)

Đơn vị: ha

TT	Tên công ty	Tổng diện tích tự nhiên	Tổng diện tích đất nông nghiệp	Trong đó												
				Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Rừng sản xuất			Rừng phòng hộ			Rừng đặc dụng			Đất nông nghiệp khác
							Rừng sản xuất là rừng trồng	Rừng sản xuất là rừng tự nhiên	Đất trồng QH trồng rừng	Rừng PH là rừng trồng	Rừng PH là rừng tự nhiên	Đất trồng QH trồng rừng	Rừng ĐD là rừng trồng	Rừng ĐD là rừng tự nhiên	Đất trồng QH trồng rừng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Roon	15475,72	15375,26					2638,21	108,41				26,89	12387,58	206,95	7,22
2	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hà Nùng	9160,38	9159,33				77,78	8004,12	38,62		1010,65					28,16
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	16379,82	16379,82				2570,37	13320,79	385,12							103,54
4	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa	13934,54	13933,00				524,35	12490,71	917,94							
5	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ka Nák	7622,31	7693,49				71,18	7490,85			131,46					
6	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kông Chiê	15613,81	15558,18				653,04	10679,57	4225,57							
7	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kông Chro	21239,69	21172,51				2489,23	16066,49	2616,80							
8	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kông H'de	15144,04	15067,42				55,43	13152,61	1634,15							225,23
9	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Krông Pa	7760,84	7717,84				156,33	4729,28	92,20	11,99	2702,13	23,98				1,93
10	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku	9208,79	9170,26	1,78	0,10		885,43	5721,00	1341,16	33,42	888,43	298,94				
11	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	8207,97	8197,42				1324,32		329,32	1744,64	1456,38	1301,55	795,98		540,92	
12	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	12699,37	12693,33				1491,32	9038,44	91,39	17,86	1307,50					746,82
13	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sơ Pai	8245,27	8242,71	308,27	298,64		77,31	6671,31	-	-	609,82					277,36
14	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trăm Lấp	10307,87	10286,61				11,49	10197,72	40,45							36,95

Biểu 06. DIỆN TÍCH ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TIẾP TỤC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRONG CÁC CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP
(Tại thời điểm báo cáo)

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công ty	Tổng diện tích	Đất phi nông nghiệp									
			Đất ở	Trụ sở	Nhà xưởng, cơ sở chế biến	Công trình thuỷ lợi	Công trình công cộng	Nghĩa trang, nghĩa địa	Đường giao thông	Sông, ngòi, kênh, rạch	Núi đá	Chưa sử dụng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Công ty TNHH MTV LN Đắk Roong	100,46		0,61	0,51				44,11	55,23		
2	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hà Nừng	1,05		1,05								
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	53,89		1,01					14,82	38,06		
4	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa	1,54		1,54								
5	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ka Nák	52,40	0,74	0,24					15,25	36,17		
6	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kông Chiêng	55,63		0,83					24,34	30,46		
7	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kông Chro	67,18		0,79					6,74	59,64		
8	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kông H'de	76,62		0,50					22,98	53,14		
9	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Krông Pa	43,00		0,80					21,70	20,50		
10	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku	38,53	0,05	0,31					27,16	11,01		
11	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	10,55		2,93	2,35				4,88	0,39		
12	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	6,04		0,33					5,71			
13	Công ty TNHH MTV LN Sơ Pai	2,56		2,56								
14	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trạm Lập	21,26		0,73					6,46	14,07		

Biểu 07. DIỆN TÍCH ĐẤT NÔNG NGHIỆP GIAO VỀ ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 118/2014/NĐ-CP

Đơn vị: ha

TT	Tên công ty	Tổng diện tích (dự kiến giao)	Tổng diện tích đất nông nghiệp	Trong đó												
				Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Rừng sản xuất			Rừng phòng hộ			Rừng đặc dụng			Đất nông nghiệp khác
							Rừng sản xuất là rừng trồng	Rừng sản xuất là rừng tự nhiên	Đất trồng QH trồng rừng	Rừng PH là rừng trồng	Rừng PH là rừng tự nhiên	Đất trồng QH trồng rừng	Rừng ĐD là rừng trồng	Rừng ĐD là rừng tự nhiên	Đất trồng QH trồng rừng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Đắk Roong	71,41	71,06						8,05			63,01				
2	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hà Nùng	394,67	366,51				19,00									347,51
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	2815,54	2806,84						2776,13	30,71						
4	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa	2509,19	2509,19	2480,89			28,30									
5	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ka Nák	20,92														
6	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kông Chiêng	2983,70	2968,73	2968,73												
7	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kông Chro	3201,56	3168,14	3164,71	3,43											
8	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kông H'de	2670,91	2555,67	2467,77			87,90									
9	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Krông Pa	612,80	582,88													582,88
10	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku	1551,29	1508,66	1346,20	42,34											120,12
11	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	763,94	763,94													
12	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	1667,57	1643,08	1409,68			233,40									
13	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sơ Pai	859,95	873,17	0,52			0,03		12,38			0,29				859,95
14	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trạm Lập	145,46	144,64		144,64											
	Tổng cộng:	20268,91	19962,51	13838,50	190,41	0,00	368,63	0,00	2796,56	30,71	0,00	63,30	0,00	0,00	0,00	1910,46

Biểu 08. DIỆN TÍCH ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP GIAO VỀ ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG THEO NGHỊ ĐỊNH 118/2014/NĐ-CP*Đơn vị tính: ha*

TT	Tên công ty	Đất phi nông nghiệp										
		Tổng diện tích	Đất ở	Trụ sở	Nhà xưởng, cơ sở chế biến	Công trình thủy lợi	Công trình công cộng	Nghĩa trang, nghĩa địa	Đường giao thông	Sông, ngòi, kênh, rạch	Núi đá	Chưa sử dụng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Đăk Roong	0,35					0,35					
2	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hà Nùng											
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh											
4	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa											
5	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ka Nák											
6	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kông Chiêng	14,97	14,97									
7	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kông Chro	33,42	14,02						6,73	12,67		
8	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kông H'de	115,24							16,82	98,42		
9	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Krông Pa	0,00										
10	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku	42,63	13,77					9,11	11,89	7,86		
11	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn											
12	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	24,49				0,67	9,11		5,43	9,28		
13	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sơ Pai	0,00										
14	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trăm Lập	0,82						0,82				
	Tổng cộng:	231,92	42,76	0,00	0,00	0,67	9,46	9,93	40,87	128,23	0,00	0,00

Biểu 09. DIỆN TÍCH ĐẤT GIAO VỀ ĐỊA PHƯƠNG THEO HIỆN TRẠNG TỔ CHỨC SỬ DỤNG

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công ty	Tự tổ chức sản xuất	Cho thuê		Cho mượn		Bị lấn chiếm	Tranh chấp	Cấp trùng	Liên doanh, liên kết, HTĐT	Khoản					
			Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp					Khoản 01	Khoản 01/135	Khoản 135	Khoản hàng năm	Khoản bảo vệ rừng	Khoản trắng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Đắk Roong	71,41														
2	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hà Nùng	366,51														
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	2806,84														
4	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa															
5	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ka Nák	20,92														
6	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kông Chiêng															
7	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kông Chro								3201,56							
8	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kông H'de	2670,91														
9	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Krông Pa							612,80								
10	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku															
11	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn															
12	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	1450,03					217,54									
13	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sơ Pá							873,17								
14	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trăm Lập	145,46														